

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-PT

Ngày: 26/3/2021

“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Ông Võ Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2021/QĐXX-PT ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Mai Hồng H

- là Luật sư của Văn phòng luật sư C thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường T, khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lại Hùng A, sinh năm 1979.

Địa chỉ: đường R, phường A, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Ông Viên Quốc D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị C
(Bà H, ông A, Luật sư H có mặt; Bà C, ông D
vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày như sau:***

Bà H với vợ chồng bà C và ông D là chỗ quen biết, có sự tin tưởng nhau do đó trong quá trình làm ăn vì cần vốn nên bà C và ông D đã nhiều lần hỏi vay tiền của bà H, cụ thể như sau:

+ Vào ngày 15/7/2015 hỏi vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Trong khoản vay này vợ chồng bà C đã trả được 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và hiện còn nợ 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng);

+ Vào ngày 30/12/2015 hỏi vay 1.030.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm ba mươi triệu đồng);

+ Vào ngày 20/01/2016 hỏi vay 227.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu đồng);

+ Vào ngày 23/3/2016 hỏi vay 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Việc cho vay các bên có 03 lần làm giấy biên nhận, các giấy biên nhận này đều do bà C tự tay viết và ký tên và giao cho bà H giữ. Riêng lần vay tiền vào ngày 20/01/2016 các bên không làm biên nhận với nhau. Mặc dù ông D không ký tên trong biên nhận nợ nhưng tất cả các số nợ bà C ký biên nhận bà H và vợ chồng bà C đều giáp mặt để thống nhất số nợ.

Khi vay tiền bà C và ông D thỏa thuận vay trong thời gian ngắn đồng thời hứa trả lãi và trả vốn khi bà H có yêu cầu, tuy nhiên từ ngày 20/01/2016 cho đến nay vợ chồng bà C không thực hiện trả lãi và cũng không trả vốn. Bà H đã nhiều lần đề nghị vợ chồng bà C trả nợ nhưng vợ chồng bà C chỉ hứa lần nữa rồi năn nỉ cho ông bà thời gian để bán nhà rồi thanh toán nợ nhưng đến nay vẫn không không thực hiện thiện chí trả nợ.

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H và bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà C và ông D phải trả cho bà H số tiền 2.458.000.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu đồng), bao gồm: Nợ gốc là 1.607.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm linh bảy triệu đồng) và tiền lãi tính theo mức lãi suất 1%/tháng là 851.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi một triệu đồng).

Bà H còn xác nhận, trong thời gian vay tiền vợ chồng bà C và ông D đã trả lãi như sau:

+ Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng (Đã trả nợ gốc 70.000.000 đồng) từ ngày vay là ngày 15/7/2015 đến nay chưa thanh toán tiền lãi;

+ Đối với khoản vay 1.030.000.000 đồng từ ngày vay là ngày 30/12/2015 đến nay đã trả được 20.000.000 đồng tiền lãi;

+ Đối với khoản vay 227.000.000 đồng từ ngày vay ngày 20/01/2016 đến nay chưa thanh toán tiền lãi;

+ Đối với khoản vay 120.000.000 đồng từ ngày vay là ngày 20/3/2016 đến nay trả được 6.000.000 đồng tiền lãi.

Sau khi đại diện của bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đến ngày 07 tháng 12 năm 2020, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H và bà H thay đổi yêu khởi kiện, cụ thể: Trước đây bà H yêu cầu vợ chồng bà C và ông D trả số nợ 2.458.000.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu đồng) bao gồm nợ gốc và nợ lãi, nay thay đổi chỉ yêu cầu một mình bà C trả toàn bộ số nợ gốc là 1.607.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm linh bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C và người đại diện hợp pháp trình bày:

Xác định các biên nhận ngày 15/7/2015 vay 300.000.000 đồng, biên nhận ngày 30/12/2015 vay 1.030.000.000 đồng và ngày 20/01/2016 vay 227.000.000 đồng bà C đã tất toán các số tiền trên nhưng vì chỗ quen biết và làm ăn lâu năm nên bà C tin tưởng bà H đã hủy biên nhận nên không đòi lại. Vào ngày 23/3/2016 bà C có hỏi vay của bà H 120.000.000 đồng với lãi suất 600.000 đồng/ngày đã đóng lãi được 20 ngày với số tiền 12.000.000 đồng thì không còn khả năng đóng nữa.

Xác định 03 biên nhận nợ do bà H cung cấp cho Tòa án là các biên nhận nợ do bà C viết để xác nhận nợ với bà H.

Đối với các khoản nợ 300.000.000 đồng vay ngày 15/7/2015, khoản nợ 1.030.000.000 đồng vay ngày 30/12/2015 bà C vay của bà H bà C đã thực hiện trả nợ xong nên không chấp nhận trả nợ các khoản nợ này.

Đối với khoản nợ 120.000.000 đồng vay ngày 23/3/2016 bà C hiện còn nợ của bà H và xác định đây là khoản nợ riêng của bà C đối với bà H mà ông D không có liên quan đồng thời đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Với khoản nợ này bà C đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ông D và bà C đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay, các khoản nợ vay của bà C ông D không biết nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H.

Bị đơn ông Viên Quốc D trình bày:

Giữa bà C và ông D đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay và đến nay ông D và bà C đã ly hôn. Số tiền bà H khởi kiện ông D hoàn toàn không biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả nợ cho bà Đặng Thị H số tiền 1.607.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm linh bảy triệu đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đặng Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, chi phí tố tụng và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/12/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: việc bà H khởi kiện số tiền 1.607.000.000đ là không đúng. Các khoản nợ theo biên nhận ngày 15/7/2015 số tiền 300.000.000đ, biên nhận ngày 30/12/2015 số tiền 1.030.000.000đ; biên nhận ngày 20/01/2016 số tiền 227.000.000đ là do bà H đưa tiền cho bà đáo hạn Ngân hàng, sau đó thì khách vay trả lại cho bà, bà trả lại cho bà H xong, do chỗ làm ăn chung với nhau nên khi trả tiền cho bà H bà tin tưởng nghĩ bà H đã hủy các biên nhận nên không đòi lại. Mặt khác số tiền này lớn, làm ăn từ năm 2015 nếu bà không trả tiền cho bà H thì bà H không cho mượn số tiền 120.000.000đ vào ngày 23/3/2016, bà H cũng không yêu cầu trả mãi đến tháng 5/2020 bà H mới khởi kiện.

Bà chỉ đồng ý trả cho bà Đặng Thị H số tiền 120.000.000đ theo biên nhận ngày 23/3/2016 và xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đ do hiện nay bà không có khả năng trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lại Hùng A có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị HĐXX xem xét lại toàn bộ hồ sơ vụ án, do bà C đã trả tiền cho bà H nhưng do tin tưởng hoặc thiếu hiểu biết nên không yêu cầu bà H ghi biên nhận đã trả nợ của các khoản vay 300.000.000đ, 1.030.000.000đ và 227.000.000đ. Đồng thời bà C vay nhiều lần không trả nhưng bà H tiếp tục cho vay số tiền lớn hơn và trong thời gian dài mới khởi kiện thì không hợp lý. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 120.000.000đ.

Nguyên đơn bà Đặng Thị H đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Mai Hồng H trình bày: Bà H khởi kiện và đã cung cấp 03 biên nhận nợ đối với các khoản 300.000.000đ, 1.030.000.000đ, 120.000.000đ, riêng đối với khoản vay

227.000.000đ mặc dù không có biên nhận nhưng được bị đơn bà C thừa nhận nên không cần chứng minh đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bị đơn thừa nhận có nhận tổng số tiền 1.677.000.000đ như khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng đã thanh toán xong nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn trả lãi suất 851.000.000đ và không yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của ông D nhưng trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm không đình chỉ phần này là có thiếu sót.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về phần yêu cầu tính lãi số tiền 851.000.000đ và không buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của ông D.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Viên Quốc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông D theo quy định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C không đồng ý việc nguyên đơn kiện đòi số tiền 1.607.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 23/3/2016, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà H và bị đơn bà C đều thống nhất nội dung trước đây giữa bà H và bà C có giao dịch làm ăn với nhau, bà H có cho bà C vay tiền 04 lần, cụ thể:

- Ngày 15/7/2015 bà C vay số tiền 300.000.000 đồng, bà C đã trả được 70.000.000 đồng;
- Ngày 30/12/2015 bà C vay 1.030.000.000 đồng;
- Ngày 20/01/2016 bà C vay 227.000.000 đồng;
- Ngày 23/3/2016 vay số tiền 120.00.000 đồng;

Trong các lần vay vào các ngày 15/7/2015, 30/12/2015, 23/3/2016 bà C đều có viết biên nhận với bà H. Riêng lần vay số tiền 227.000.000 đồng vào ngày 20/01/2016 thì bà C không viết biên nhận. Bà H khởi kiện yêu cầu bà C trả cho bà tổng số nợ gốc 1.607.000.000 đồng và lãi suất 851.000.000 đồng, tổng cộng 2.458.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà C tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo quy định. Tuy nhiên sau đó bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà C trả số tiền nợ gốc 1.607.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà C cho rằng tổng số tiền nợ theo các lần vay của các ngày 15/7/2015, 30/12/2015, 20/01/2016 bà đã thanh toán xong cho bà H, chỉ còn nợ lại bà H số tiền 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 23/3/2016, bà đồng ý trả số tiền này cho bà H nhưng xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn.

Xét lời trình bày của bị đơn thừa nhận 03 biên nhận tiền ngày 15/7/2015 số tiền 300.000.000 đồng, biên nhận ngày 30/12/2015 số tiền 1.030.000.000 đồng, biên nhận ngày 23/3/2016 số tiền 120.000.000 đồng do nguyên đơn cung cấp là do bà C viết, còn đối với lần vay vào ngày 20/01/2016 số tiền 227.000.000 đồng mặc dù không có biên nhận nhưng được bà C thừa nhận tại văn bản Trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị C ngày 17/8/2020 (bút lục số 16). Việc bà C cho rằng đã thanh toán xong các khoản vay theo các biên nhận ngày 15/7/2015, 30/12/2015 và 20/01/2016 cho nguyên đơn nhưng do tin tưởng nên không yêu cầu nguyên đơn viết biên nhận, tuy nhiên lời trình bày này của bà C không được bà H thừa nhận, bà C cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh đã thanh toán xong số nợ theo các lần vay trên. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tổng số tiền còn nợ 1.607.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của bà C đồng ý trả số tiền 120.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất của số tiền 1.607.000.000 đồng và không yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của ông D nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ trong phần quyết định của Bản án là có thiếu sót nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[4] Tại cấp phúc thẩm bị đơn bà C có đơn xin miễn án phí do điều kiện kinh tế khó khăn và đã quá tuổi lao động, có xác nhận của Ch quyền địa phương. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn, giảm $\frac{1}{2}$ số tiền án phí sơ thẩm bà C phải nộp.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham

gia phiên tòa, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 52/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà C nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí của số tiền 1.607.000.000 đồng được tính như sau: Số tiền phải thi hành án trên 800.000.000 đồng thì án phí phải chịu là 36.000.000 đồng, án phí của số tiền vượt 800.000.000 đồng là: 807.000.000 đồng x 3%, vậy số tiền án phí bà C phải chịu cụ thể là:

$[36.000.000 \text{ đồng} + (807.000.000 \text{ đồng} \times 3\%)] = 60.210.000 \text{ đồng}.$

Bà C có đơn xin miễn giảm án phí do điều kiện kinh tế khó khăn và đã quá tuổi lao động nên được miễn giảm $\frac{1}{2}$ tiền án phí sơ thẩm, bà C phải nộp án phí sơ thẩm là $60.210.000 \text{ đồng} \times \frac{1}{2} = 30.105.000 \text{ đồng}.$

Hoàn trả cho bà Đặng Thị H số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 40.580.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008583 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bà C không được chấp nhận, nên bà C phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 163 và Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 52/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả nợ cho bà Đặng Thị H số tiền 1.607.000.000đ (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đặng Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả lãi số tiền 851.000.000đ (Tám trăm năm mươi một triệu đồng) và không trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Viên Quốc D.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải nộp án phí sơ thẩm là 30.105.000đ (Ba mươi triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Đặng Thị H số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 40.580.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008583 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bà C không được chấp nhận, nên bà C phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007164 ngày 11/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Tấn